

# **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 35

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty (bao gồm văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên	
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2022

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.


### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) để ngày 8 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 61201381/22963793

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) được lập ngày 8 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thịnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0402-2023-004-1

Đào Văn Thích  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>278.255.981.949</b>	<b>200.886.332.101</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>90.424.695.231</b>	<b>74.789.259.982</b>
111	1. Tiền		75.424.695.231	6.947.259.982
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	67.842.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>62.000.000.000</b>	<b>66.422.413.699</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.1	62.000.000.000	66.422.413.699
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>121.759.844.969</b>	<b>55.426.371.103</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	100.398.838.347	35.408.799.218
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	190.417.532
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	22.412.500.000	22.412.500.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		581.848.620	781.052.051
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.633.341.998)	(3.366.397.698)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>4.071.441.749</b>	<b>4.208.928.762</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.071.441.749	4.208.928.762
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>39.358.555</b>
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	39.358.555

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>803.390.986.471</b>	<b>810.349.208.686</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>84.046.875.000</b>	<b>106.459.375.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	84.046.875.000	106.459.375.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>207.208.090.254</b>	<b>243.115.918.271</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	190.598.138.315	225.867.180.880
222	Nguyên giá		1.485.758.346.457	1.482.488.206.295
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.295.160.208.142)	(1.256.621.025.415)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	16.609.951.939	17.248.737.391
228	Nguyên giá		22.330.322.400	22.176.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.720.370.461)	(4.927.585.009)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.797.971.083</b>	<b>3.298.419.989</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	5.797.971.083	3.298.419.989
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>6.2</b>	<b>503.446.066.764</b>	<b>454.563.176.764</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	337.624.176.764
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		84.652.890.000	35.770.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.891.983.370</b>	<b>2.912.318.662</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.891.983.370	2.912.318.662
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.081.646.968.420</b>	<b>1.011.235.540.787</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>45.339.353.469</b>	<b>89.376.876.406</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>45.339.353.469</b>	<b>89.376.876.406</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		4.712.624.523	1.322.327.800
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		432.475.059	854.726.999
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	26.724.868.859	10.921.520.824
314	4. Phải trả người lao động		8.059.064.109	8.862.554.653
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	196.500.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	4.974.745.475	66.023.594.753
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	435.575.444	1.195.651.377
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.036.307.614.951</b>	<b>921.858.664.381</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>1.036.307.614.951</b>	<b>921.858.664.381</b>
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		401.307.614.951	286.858.664.381
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		187.108.664.381	207.645.024.387
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		214.198.950.570	79.213.639.994
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.081.646.968.420</b>	<b>1.011.235.540.787</b>

Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập

Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

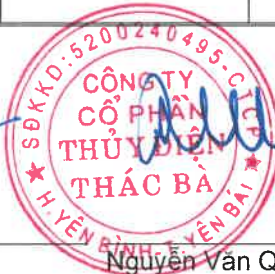
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ	18.1	498.248.916.289	294.284.392.714
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán điện và cung cấp dịch vụ	18.1	498.248.916.289	294.284.392.714
11	4. Giá vốn về bán điện và dịch vụ cung cấp	19	(131.355.930.922)	(116.754.609.501)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán điện và cung cấp dịch vụ		366.892.985.367	177.529.783.213
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	47.142.341.383	27.616.511.632
22	7. Chi phí tài chính		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(34.689.829.216)	(29.707.160.950)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		379.345.497.534	175.439.133.895
31	11. Thu nhập khác	21	1.487.590.304	1.984.957.763
32	12. Chi phí khác	21	(1.057.345.219)	(1.196.734.165)
40	13. Lợi nhuận khác	21	430.245.085	788.223.598
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		379.775.742.619	176.227.357.493
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(70.326.792.049)	(33.513.717.499)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		309.448.950.570	142.713.639.994



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập



Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>379.775.742.619</b>	<b>176.227.357.493</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng	20	(1.733.055.700)	602.603.920
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	18.2	(47.142.341.383)	(28.151.795.302)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>370.204.337.059</b>	<b>188.202.624.804</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(64.535.853.581)	24.573.760.133
10	Giảm hàng tồn kho		137.487.013	305.363.647
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		8.136.508.362	(2.250.795.345)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		20.335.292	(2.167.627.617)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(60.164.002.606)	(27.293.123.526)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.232.099.277)	(5.398.630.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>248.566.712.262</b>	<b>175.971.572.096</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.020.686.065)	(22.229.482.389)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	723.636.363
23	Tiền chi cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(187.840.000.000)	(167.309.000.000)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		214.674.913.699	169.264.086.301
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(48.882.890.000)	(29.890.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		47.117.135.353	28.626.696.361
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>21.048.472.987</b>	<b>(20.814.063.364)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	16.3	(253.979.750.000)	(158.733.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(253.979.750.000)	(158.733.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		15.635.435.249	(3.575.491.268)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		74.789.259.982	78.364.751.250
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	90.424.695.231	74.789.259.982

Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập

Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty (bao gồm văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 127 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 124).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, một công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng
<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49,00%	49,00%	Tổ dân phố số 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Đầu tư và triển khai dự án Nhà máy Thủy điện Thác Bà 2

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) để ngày 8 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập (“Chi nhánh”) như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh. Báo cáo tài chính của Chi nhánh được lập cùng niên độ báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng được thực hiện bằng cách cộng hợp các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài chính của Chi nhánh và của Văn phòng Công ty.

Các giao dịch và số dư về đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, thu hộ, chi hộ giữa Chi nhánh và Văn phòng Công ty được căn trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng.

**2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.5 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                      |   |  |
|--------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ  | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền                                       |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan |

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

#### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.8 Các khoản đầu tư

##### Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.12 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được xác định căn cứ vào các hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện và được xác nhận bởi khách hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.13 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.14 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 96% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. NGHIỆP VỤ GÓP VỐN TRONG NĂM**

***Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, một công ty liên kết***

Căn cứ theo Nghị quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt tỷ lệ góp vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2. Trong năm, theo Thông báo góp vốn đợt 1 năm 2022 số 684/TB-TBC2 ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Thông báo góp vốn đợt 2 năm 2022 số 1158/TB-TBC2 ngày 8 tháng 11 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, Công ty đã hoàn thành góp vốn bổ sung 48.882.890.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	241.100.536	60.474.438
Tiền gửi ngân hàng	75.183.594.695	6.886.785.544
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	67.842.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.424.695.231</b>	<b>74.789.259.982</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất 6,0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,1%/năm đến 4,0%/năm).

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	62.000.000.000	62.000.000.000	66.422.413.699	66.422.413.699
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.000.000.000</b>	<b>62.000.000.000</b>	<b>66.422.413.699</b>	<b>66.422.413.699</b>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn từ 5 đến 6 tháng và hưởng lãi suất từ 6,0%/năm đến 8,6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,4%/năm đến 5,9%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**6.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>337.624.176.764</b>	-			<b>337.624.176.764</b>	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (i)	50,94%	337.624.176.764	-	(i)	50,94%	337.624.176.764	-	(i)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>84.652.890.000</b>	-			<b>35.770.000.000</b>	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (ii)	49,00%	84.652.890.000	-	(ii)	49,00%	35.770.000.000	-	(ii)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		<b>81.169.000.000</b>	-			<b>81.169.000.000</b>	-	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (iii)	0,60%	32.619.000.000	-	39.000.000.000	0,60%	32.619.000.000	-	56.400.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (iv)	5,00%	48.550.000.000	-	(iv)	5,00%	48.550.000.000	-	(iv)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>503.446.066.764</b>	-			<b>454.563.176.764</b>	-	

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 50,94% quyền biểu quyết tương ứng 25.889.270 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (ii) Trong kỳ, Công ty đã tiến hành góp bổ sung vốn điều lệ với số tiền 48.882.890.000 VND vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 theo Thông báo thực hiện góp vốn đợt 1 năm 2022 số 684/TB-TBC2 ngày 19 tháng 7 năm 2022 và đợt 2 năm 2022 số 1158/TB-TBC2 ngày 8 tháng 11 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Điện Thác Bà 2. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết tương ứng 8.465.289 cổ phần tại công ty này. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 12 năm 2022 là 13.000 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2021: 18.800 VND/cổ phiếu).
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu của khách hàng	4.329.241.799	4.428.697.781
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	2.090.965.910	3.340.965.910
- Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến	369.315.190	85.452.851
- Phải thu các khách hàng khác	1.868.960.699	1.002.279.020
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	96.069.596.548	30.980.101.437
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100.398.838.347</b>	<b>35.408.799.218</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.633.341.998)	(3.366.397.698)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.366.397.698	2.763.793.778
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	24.948.300	1.129.976.920
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.758.004.000)	(527.373.000)
Số cuối năm	1.633.341.998	3.366.397.698

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu (*)	22.412.500.000	22.412.500.000
	<b>22.412.500.000</b>	<b>22.412.500.000</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu về cho vay dài hạn (*)	84.046.875.000	106.459.375.000
	<b>84.046.875.000</b>	<b>106.459.375.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.459.375.000</b>	<b>128.871.875.000</b>

(\*) Chi tiết khoản phải thu về cho vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên nhận vay</i>	<i>Số tiền (VND)</i>	<i>Kỳ hạn nhận gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất trong năm (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum - Công ty con	106.459.375.000	Gốc và lãi cho vay được thu hàng quý. Khoản cho vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 9 năm 2027	7% - 8,1%	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>				
Cho vay dài hạn đến hạn thu	22.412.500.000			
Cho vay dài hạn	84.046.875.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	3.628.206.745	-	3.824.679.686	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	214.308.958	-	309.562.669	-
Công cụ, dụng cụ	228.926.046	-	74.686.407	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.071.441.749</b>	<b>-</b>	<b>4.208.928.762</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	651.554.157.472	805.862.293.078	19.735.566.706	5.218.734.494	117.454.545	1.482.488.206.295
- Mua trong năm	-	1.257.396.296	1.948.473.629	-	-	3.205.869.925
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	64.270.237	-	64.270.237
Số cuối năm	651.554.157.472	807.119.689.374	21.684.040.335	5.283.004.731	117.454.545	1.485.758.346.457
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>14.744.406.653</i>	<i>506.327.918.323</i>	<i>11.337.900.642</i>	<i>3.513.866.951</i>	<i>65.181.818</i>	<i>535.989.274.387</i>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	536.316.551.080	700.625.730.737	15.191.697.177	4.390.832.196	96.214.225	1.256.621.025.415
- Khấu hao trong năm	20.401.759.185	16.937.790.471	868.517.859	325.893.339	5.221.873	38.539.182.727
Số cuối năm	556.718.310.265	717.563.521.208	16.060.215.036	4.716.725.535	101.436.098	1.295.160.208.142
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	115.237.606.392	105.236.562.341	4.543.869.529	827.902.298	21.240.320	225.867.180.880
Số cuối năm	94.835.847.207	89.556.168.166	5.623.825.299	566.279.196	16.018.447	190.598.138.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	20.558.322.400	1.618.000.000	22.176.322.400
- Mua trong năm	-	154.000.000	154.000.000
Số cuối năm	20.558.322.400	1.772.000.000	22.330.322.400
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	4.749.494.542	178.090.467	4.927.585.009
- Hao mòn trong năm	411.153.216	381.632.236	792.785.452
Số cuối năm	5.160.647.758	559.722.703	5.720.370.461
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	15.808.827.858	1.439.909.533	17.248.737.391
Số cuối năm	15.397.674.642	1.212.277.297	16.609.951.939

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy nhà máy Thủy điện Thác Bà	3.835.288.676	3.298.419.989
Dự án nâng cấp hệ thống quan trắc đập chính, đập tràn, nhà máy – Công trình Thủy điện Thác Bà	1.962.682.407	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.797.971.083</b>	<b>3.298.419.989</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã cần trừ trong năm	Số cuối năm
<b>Thuế phải thu</b>				
Thuế khác	39.358.555	-	(39.358.555)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.358.555</b>	<b>-</b>	<b>(39.358.555)</b>	<b>-</b>
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Thuế phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 23.1)	8.013.717.498	70.326.792.049	(60.164.002.606)	18.176.506.941
Thuế tài nguyên	1.487.877.326	37.754.360.455	(36.306.327.841)	2.935.909.940
Thuế giá trị gia tăng	1.312.407.623	38.866.504.447	(36.737.735.715)	3.441.176.355
Thuế thu nhập cá nhân	107.518.377	4.176.961.099	(2.113.203.853)	2.171.275.623
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	4.862.840.000	(4.862.840.000)	-
Thuế khác	-	181.525.312	(181.525.312)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.921.520.824</b>	<b>156.168.983.362</b>	<b>(140.365.635.327)</b>	<b>26.724.868.859</b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	184.141.749	63.663.891.749
Phí bảo vệ môi trường rừng	3.462.440.544	1.878.516.504
Thù lao hỗ trợ công tác quản lý điều hành	-	90.000.000
Phải trả khác	1.328.163.182	391.186.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.974.745.475</b>	<b>66.023.594.753</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.195.651.377	1.573.846.488
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (Thuyết minh số 16.1)	4.000.000.000	4.000.000.000
Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 16.1)	500.000.000	500.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(5.232.099.277)	(4.843.030.000)
Khấu hao từ tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	(27.976.656)	(35.165.111)
<b>Số cuối năm</b>	<b>435.575.444</b>	<b>1.195.651.377</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	635.000.000.000	370.895.024.387	1.005.895.024.387
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	142.713.639.994	142.713.639.994
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 15)	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
- Cổ tức công bố năm 2020	-	(158.750.000.000)	(158.750.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2021	-	(63.500.000.000)	(63.500.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 15)	-	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>286.858.664.381</b>	<b>921.858.664.381</b>
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	635.000.000.000	286.858.664.381	921.858.664.381
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	309.448.950.570	309.448.950.570
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 15) (*)	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
- Cổ tức công bố năm 2021 (*)	-	(95.250.000.000)	(95.250.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2022 (**)	-	(95.250.000.000)	(95.250.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 15) (*)	-	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>401.307.614.951</b>	<b>1.036.307.614.951</b>

(\*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền và trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 được thực hiện theo Nghị quyết số 386/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ("Nghị quyết số 386/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ").

(\*\*) Căn cứ theo chủ trương kế hoạch chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 được phê duyệt tại Nghị quyết số 386/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ và phê duyệt của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết số 2006/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2022, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**16.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>-</b>

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Cổ đông	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
<b>Cổ tức đã công bố</b>	<b>190.500.000.000</b>	<b>222.250.000.000</b>
<b>Cổ tức đã trả</b>	<b>253.979.750.000</b>	<b>158.733.000.000</b>

**16.4 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2020: 2.500 VND/cổ phiếu	-	158.750.000.000
Tạm ứng cổ tức cho năm 2021: 1.000 VND/cổ phiếu	-	63.500.000.000
Cổ tức cho năm 2021: 1.500 VND/cổ phiếu	95.250.000.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2022: 1.500 VND/cổ phiếu	95.250.000.000	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào kết thúc kỳ kế toán năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**16.5 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	VND	Số lượng (cổ phiếu)	VND
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

**17. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	141	167

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>498.248.916.289</b>	<b>294.284.392.714</b>
Trong đó		
Doanh thu bán điện	482.076.541.660	276.999.410.420
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.172.374.629	17.284.982.294
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>498.248.916.289</b>	<b>294.284.392.714</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	15.588.639.550	14.640.136.923
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 24)	482.660.276.739	279.644.255.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU** (tiếp theo)

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	16.353.071.383	18.591.511.632
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.789.270.000	9.025.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.142.341.383</u></b>	<b><u>27.616.511.632</u></b>

**19. GIÁ VỐN BÁN ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	126.051.449.130	112.877.176.272
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.304.481.792	3.877.433.229
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>131.355.930.922</u></b>	<b><u>116.754.609.501</u></b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	17.908.468.464	15.058.555.484
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.647.018.703	2.652.687.001
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	1.113.334.872 (1.733.055.700)	615.860.187 602.603.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.304.100.243	4.685.050.389
Chi phí khác	11.449.962.634	6.092.403.969
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>34.689.829.216</u></b>	<b><u>29.707.160.950</u></b>

**21. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.487.590.304</b>	<b>1.984.957.763</b>
Thù lao, phụ cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tại các đơn vị đầu tư	854.709.600	927.641.400
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	723.636.363
Các khoản khác	632.880.704	333.680.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.057.345.219</b>	<b>1.196.734.165</b>
Chi phí thù lao, phụ cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tại các đơn vị đầu tư	480.000.000	558.000.000
Chi phí khác	577.345.219	638.734.165
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>430.245.085</u></b>	<b><u>788.223.598</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.958.959.403	2.888.701.205
Chi phí nhân công	44.434.301.235	39.012.888.828
Chi phí khấu hao và hao mòn	39.303.991.523	39.559.623.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.661.459.913	9.528.429.561
Chi phí khác	74.782.301.775	55.578.535.612
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>166.141.013.849</u></b>	<b><u>146.568.179.010</u></b>

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**23.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>70.326.792.049</u>	<u>33.513.717.499</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>70.326.792.049</u></b>	<b><u>33.513.717.499</u></b>

**23.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	379.775.742.619	176.227.357.493
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	75.955.148.524	35.245.471.499
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	531.497.525	79.982.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.157.854.000)	(1.805.000.000)
Thu nhập không chịu thuế khác	(2.000.000)	(6.736.000)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>70.326.792.049</u></b>	<b><u>33.513.717.499</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và trong năm tài chính kế thúc cùng ngày bao gồm:

<i>STT</i>	<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ cao nhất
2	Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ
3	Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con
6	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn (kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)
7	Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

1	Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT
3	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022)
5	Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2022)
9	Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng Ban kiểm soát
10	Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên Ban kiểm soát
11	Bà Lai Lệ Hường	Thành viên Ban kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	482.076.541.660	276.999.410.420
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức đã thanh toán	153.460.672.000	95.912.920.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức đã thanh toán	76.200.000.000	47.625.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	411.007.806	2.435.754.461
		Cổ tức được chia	25.889.270.000	-
		Thu hồi tiền cho vay	22.412.500.000	32.412.500.000
		Lãi tiền cho vay	9.368.701.318	11.995.659.002
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết của công ty mẹ cao nhất	Thu hồi tiền cho vay	-	20.000.000.000
		Lãi tiền cho vay	-	883.287.672
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Góp vốn	48.882.890.000	29.890.000.000
		Doanh thu về cung cấp dịch vụ	172.727.273	209.090.910
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn (kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)	Doanh thu về cung cấp dịch vụ	217.592.593	-

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay như đã trình bày tại thuyết minh số 8, số dư các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)</i></b>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	95.834.596.548	30.950.101.437
Công ty cổ phần phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải thu về cung cấp dịch vụ	235.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Phải thu về cung cấp dịch vụ	-	30.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>96.069.596.548</b>	<b>30.980.101.437</b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Tiền lãi vay phải thu	81.667.615	29.811.845
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>81.667.615</b>	<b>29.811.845</b>

Chi tiết thông tin khoản phải thu về cho vay bên liên quan được trình bày chi tiết ở Thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022)	54.000.000	-
Ông Hồ Bảo Hùng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021/ Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021)	-	36.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.224.000.000	1.080.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	785.000.000	680.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	369.000.000	668.000.000
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2022)	715.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.363.000.000</b>	<b>2.680.000.000</b>

(\*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	192.000.000	192.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập



Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

